

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011
CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VĨNH HUÊ
(ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN)

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 4
2. Báo cáo kiểm toán	5 – 6
3. Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2011	7 – 8
4. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011	9
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2011	10 - 11
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2011	12 – 27

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Giấy Vĩnh Huê trình bày Báo cáo này cùng các Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2011 của Công ty.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Giấy Vĩnh Huê hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số **4103000914** do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 4 năm 2002

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã đăng ký thay đổi, bổ sung với nội dung :tăng vốn điều lệ; thay đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh; thành lập Chi nhánh; thay đổi mệnh giá cổ phiếu từ 100.000 đồng xuống 10.000 đồng/cổ phiếu và đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần , mã ố doanh nghiệp 0302566539, thay đổi lần thứ 7 ngày 21 tháng 10 năm 2011.

Vốn điều lệ **12.000.000.000 đồng**

- Số lượng cổ phiếu phát hành: 1.200.000 cổ phiếu. Trong đó, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của:
 - Cổ đông Nhà nước : 15%
 - Cổ đông khác : 85%
- Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng/cổ phiếu

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh : Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ.

Trụ sở chính

Địa chỉ : 66/5 Quốc lộ 1, Phường Linh Xuân, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84-8) 7240870 - Fax : (84-8) 724 0530

E-mail : vihimexpaper@hcm.vnn.vn

Mã số thuế : **0 3 0 2 5 6 6 5 3 9**

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này như sau:

Hội đồng quản trị

1. Ông	Nguyễn Hoa	Chủ tịch Người đại diện theo pháp luật của công ty
2. Ông	Lê Thanh Liêm	Phó Chủ tịch
3. Bà	Dương Kim Ngọc	Thành viên
4. Ông	Trần Thành Phương	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VĨNH HUÊ

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

- | | | |
|--------|---------------------|------------|
| 1. Ông | Trần Văn Hữu | Trưởng ban |
| 2. Ông | Nguyễn Ngọc Đức | Ủy viên |
| 3. Bà | Nguyễn Cửu Thu Hằng | Ủy viên |

Ban Giám đốc

- | | | |
|--------|-------------------|--------------|
| 1. Ông | Nguyễn Hoa | Giám đốc |
| 2. Ông | Lê Thanh Liêm | Phó Giám đốc |
| 3. Ông | Trần Thành Phương | Phó Giám đốc |

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Tâm Việt thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ kế toán này, Công ty Tâm Việt bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Công ty.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm từ trang 07 đến trang 27.

Nguyên tắc phân phối lợi nhuận

1. Trước khi phân chia cổ tức cho các cổ đông, công ty phải trích lập các quỹ:
 - Quỹ dự trữ bắt buộc: ít nhất bằng 5% lợi nhuận ròng để bổ sung Vốn điều lệ cho đến mức bằng 10% vốn điều lệ nhằm bù đắp những tổn thất, rủi ro, thua lỗ trong quá trình sản xuất kinh doanh được quy định trong Điều lệ công ty.
 - Các quỹ Đầu tư Phát triển, quỹ Khen thưởng và quỹ Phúc lợi sẽ do Đại hội cổ đông quyết định mức trích hoặc tỷ lệ trích theo kết quả kinh doanh hàng năm.
2. Cổ tức được chia do Đại hội cổ đông quyết định, việc chia cổ tức được thực hiện như sau:
 - Tạm ứng vào tháng 7 hàng năm, sau khi sơ kết hoạt động 6 tháng đầu năm.
 - Thanh toán cổ tức còn lại, sau khi Báo cáo tài chính năm được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Ngoài vấn đề đã được trình bày tại mục VII – Thuyết minh Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán 2011 cho đến ngày phát hành Báo cáo tài chính này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VĨNH HUÊ

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính này và cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- * Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- * Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- * Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- * Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, các sổ kế toán thích hợp đã được lưu giữ đầy đủ để phản ánh hoặc truy cập tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Giám đốc Công ty xác nhận, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho niên độ kế toán 2011 kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Giám đốc Công ty

Giám đốc - Nguyễn Hoa

TP.HCM, ngày 09 tháng 3 năm 2012

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VĨNH HUÊ

KÍNH GỬI: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Giấy Vĩnh Huê bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày, được lập vào ngày 28 tháng 02 năm 2012 (từ trang 07 đến trang 27 kèm theo).

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính dựa trên kết quả kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam, các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng, các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Chúng tôi đã kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; Đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi cho rằng, công việc kiểm toán đã đảm bảo những cơ sở hợp lý làm căn cứ cho việc đưa ra ý kiến của Kiểm toán viên.

Vấn đề có ảnh hưởng đến ý kiến của Kiểm toán viên

- Công ty có phát sinh một số khoản chi: Chi hoa hồng, chi thường đặt doanh thu, hỗ trợ tiếp thị, chi phí vận chuyển, chi phí xuất hàng, chi phí bán thùng carton, v.v... của tháng 12/2011 với số tiền là 533.313.439 đồng nhưng chưa được ghi nhận vào chi phí năm 2011.
- Theo Thông báo số 594/TB-TĐ-CCT ngày 09 tháng 11 năm 2011 của Chi cục thuế Quận Thủ Đức, Công ty phải nộp số tiền thuê đất từ ngày 22/10/2008 đến ngày 31/12/2011 là 329.985.256 đồng. Công ty ghi nhận toàn bộ số tiền thuê đất đã nêu vào "Chi phí trả trước ngắn hạn", đã phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm 47.140.750 đồng, số còn lại chưa phân bổ là 282.844.506 đồng. (thuyết minh số 4.1)

Về vấn đề này, theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 1, đoạn Ghi nhận chi phí có hướng dẫn: Một khoản chi phí được ghi nhận ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng đến các chỉ tiêu có liên quan trong các Báo cáo tài chính vì các lý do nêu trên, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Giấy Vĩnh Huê tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả sản xuất, kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày.

Lê Hạ - Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: Đ.0082/KTV

Đặng Quốc Việt - Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0626/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

ĐVT: VND

Mã số		TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A.	Tài sản ngắn hạn		43.380.751.909	36.005.332.869
110	I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	1	2.171.721.255	2.995.461.869
111	1	Tiền		2.171.721.255	2.995.461.869
112	2	Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	2	23.222.259.953	19.835.013.019
131	1	Phải thu khách hàng	2.1	22.281.717.935	18.125.314.812
132	2	Trả trước cho người bán	2.2	181.091.000	363.592.050
135	5	Các khoản phải thu khác	2.3	759.451.018	1.667.920.000
139	6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	(321.813.843)
140	IV.	Hàng tồn kho	3	17.358.565.259	12.557.843.433
141	1	Hàng tồn kho		17.358.565.259	12.557.843.433
149	2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	-
150	V.	Tài sản ngắn hạn khác	4	628.205.442	617.014.548
151	1	Chi phí trả trước ngắn hạn	4.1	480.353.854	127.793.959
154	3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	4.2	-	33.201.046
158	5	Tài sản ngắn hạn khác	4.3	147.851.588	456.019.543
200	B.	TÀI SẢN DÀI HẠN		42.488.101.515	41.419.416.507
210	I.	Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II.	Tài sản cố định		42.329.231.061	41.310.886.906
221	1	Tài sản cố định hữu hình	5	40.542.981.556	33.915.005.034
222	-	Nguyên giá		61.513.656.311	52.071.639.440
223	-	Giá trị hao mòn lũy kế		(20.970.674.755)	(18.156.634.406)
230	4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	6	1.786.249.505	7.395.881.872
240	III.	Bất động sản đầu tư		-	-
250	IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	V.	Tài sản dài hạn khác		158.870.454	108.529.601
261	1	Chi phí trả trước dài hạn	7	158.870.454	108.529.601
270		TỔNG CỘNG TÀI SẢN		85.868.853.424	77.424.749.376

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VĨNH HUÊ

Bảng Cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã số		NGUỒN VỐN		Số cuối năm	Số đầu năm
300	A.	NỢ PHẢI TRẢ		66.006.994.734	55.987.708.339
310	I.	Nợ ngắn hạn		60.945.200.182	45.760.810.015
311	1	Vay và nợ ngắn hạn	8	39.716.578.916	27.977.092.492
312	2	Phải trả người bán	9	14.649.456.736	11.065.076.850
313	3	Người mua trả tiền trước	10	256.203.298	350.911.362
314	4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	1.570.671.142	1.133.172.926
315	5	Phải trả người lao động	12	1.376.728.082	2.522.462.476
319	9	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	13	2.197.173.220	1.579.992.394
323	11	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	14	1.178.388.788	1.132.101.515
330	II.	Nợ dài hạn		5.061.794.552	10.226.898.324
333	3	Phải trả dài hạn khác	15	738.741.100	1.090.510.565
334	4	Vay và nợ dài hạn	16	4.233.486.381	9.054.415.747
336	6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	17	89.567.071	81.972.012
400	B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU		19.861.858.690	21.437.041.037
410	I.	Vốn chủ sở hữu	18	19.851.858.690	21.427.041.037
411	1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	18.1	12.000.000.000	12.000.000.000
414	4	Cổ phiếu quỹ	18.2	(195.000.000)	(195.000.000)
416	6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	18.3	102.066.669	17.473.819
417	7	Quỹ đầu tư phát triển	18.4	5.773.310.662	4.993.310.662
418	8	Quỹ dự phòng tài chính	18.5	447.274.621	808.676.075
420	10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	18.6	1.724.206.738	3.802.580.481
430	II.	Nguồn kinh phí		10.000.000	10.000.000
431	1	Nguồn kinh phí	18.7	10.000.000	10.000.000
440		TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		85.868.853.424	77.424.749.376

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	CHỈ TIÊU		Số cuối năm	Số đầu năm
	4 Nợ khó đòi đã xử lý		504.401.454	-
	5 Ngoại tệ các loại (USD)		19.223,69	18.668,43

TP.HCM, ngày 09 tháng 3 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

TRƯƠNG VĂN THẮNG NGUYỄN VIỆT THỰC**NGUYỄN HOA**

Báo cáo tài chính này được đọc kèm với thuyết minh báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

NĂM 2011

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	156.469.814.809	139.371.976.971
2	2 Các khoản giảm trừ doanh thu	19	16.382.246	6.949.440
10	3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	156.453.432.563	139.365.027.531
11	4 Giá vốn hàng bán	20	131.713.691.671	114.490.861.152
20	5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		24.739.740.892	24.874.166.379
21	6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	430.546.726	406.344.829
22	7 Chi phí tài chính	22	7.161.686.032	4.144.264.951
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		6.015.226.037	3.314.628.336
24	8 Chi phí bán hàng	23	7.735.838.957	7.700.549.819
25	9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	8.542.677.526	8.289.135.367
30	10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.730.085.103	5.146.561.071
31	11 Thu nhập khác	25	187.445.829	1.309.440.291
32	12 Chi phí khác	26	50.756.303	1.820.080.309
40	13 Lợi nhuận khác		136.689.526	(510.640.018)
50	14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.866.774.629	4.635.921.053
51	15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	27	283.148.372	927.184.211
52	16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17 Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp		1.583.626.257	3.708.736.842
70	18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	1.341	3.142

Người lập biểu Kế toán trưởng

TP.HCM, ngày 09 tháng 3 năm 2012
Giám đốc

TRƯƠNG VĂN THẮNG NGUYỄN VIỆT THỰC

NGUYỄN HOA

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

NĂM 2011**ĐVT: VND**

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1	1 Lợi nhuận trước thuế		1.866.774.629	4.635.921.053
	2 Điều chỉnh cho các khoản			
2	- Khấu hao TSCĐ		2.815.190.349	2.714.404.741
3	- Các khoản dự phòng		(321.813.843)	321.813.843
4	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		84.592.850	46.159.015
5	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(122.688.809)	542.951.460
6	- Chi phí lãi vay		6.015.226.037	3.314.628.336
8	3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		10.337.281.213	11.575.878.448
9	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(2.724.064.090)	(5.247.520.534)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(4.800.721.826)	(1.375.541.331)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		3.168.843.345	3.377.011.786
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(402.900.748)	170.625.275
13	- Tiền lãi vay đã trả		(6.015.226.037)	(3.314.628.336)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(397.549.653)	(690.631.406)
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(322.712.727)	(127.106.440)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.157.050.523)	4.368.087.462
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(3.866.884.504)	(6.639.244.848)
22	2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		128.636.364	1.256.181.818
27	7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		27.402.445	-
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(3.710.845.695)	(5.383.063.030)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
33	3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		91.154.238.575	79.935.709.124
34	4 Tiền chi trả nợ gốc vay		(84.235.681.517)	(76.529.100.648)
36	6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(2.874.401.454)	(2.125.500.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		4.044.155.604	1.281.108.476
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(823.740.614)	266.132.908

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	1	2.995.461.869	2.729.328.961
61	- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	1	2.171.721.255	2.995.461.869

TP.HCM, ngày 09 tháng 3 năm 2012

Người lập biểu Kế toán trưởng

Giám đốc

TRƯƠNG VĂN THẮNG NGUYỄN VIỆT THỰC

NGUYỄN HOA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và không thể tách rời các Báo cáo tài chính niên độ kế toán 2011 của Công ty Cổ phần Giấy Vĩnh Huê (gọi tắt là Công ty).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Loại hình doanh nghiệp : Công ty cổ phần

Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất - Dịch vụ - Thương mại

Ngành nghề kinh doanh :

- Bán các sản phẩm giấy, bột giấy, đũa tre, giấy vệ sinh các loại, giấy tã lót, giấy khăn, nguyên liệu sản xuất các loại, giấy công nghiệp bao bì duplex, giấy vụn nhập (với điều kiện không gây ô nhiễm môi trường), hóa chất (trừ hoá chất có tính độc hại mạnh).
- Sản xuất và in các loại giấy vàng mã - giấy cứng - giấy bao bì công nghiệp, đũa tre, bột giấy xuất khẩu (không hoạt động tại trụ sở).
- Dịch vụ hướng dẫn kỹ thuật công nghệ xử lý giấy vụn nhập bằng hóa chất để sản xuất bột giấy tái sinh và các loại giấy dùng cho ngành sản xuất công nghiệp.
- Chế biến, gia công các mặt hàng nông lâm, thủy hải sản, chế biến thủy hải sản (không chế biến thực phẩm tươi sống).
- Sản xuất băng vệ sinh phụ nữ.
- Cho thuê kho, nhà xưởng. Đại lý ký gởi hàng hóa.
- Trồng rừng (không hoạt động tại thành phố Hồ Chí Minh) và chăm sóc rừng

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong niên độ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính.

Những biến động của giá cả thị trường và lãi vay ngân hàng năm 2011 đã ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh của công ty:

- So với năm trước, doanh thu năm nay tăng 12% nhưng giá vốn tăng 15%
- Công ty có tổng nợ vay là 43,9 Tỷ (chiếm 66,5% Nợ phải trả, 51% tổng tài sản) và chủ yếu là nợ vay ngắn hạn; vì vậy sự biến động tăng của lãi vay ngân hàng đã làm chi phí lãi vay năm nay tăng gấp đôi so với năm trước

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam hiện hành

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính đã được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Hình thức sổ kế toán

Công ty áp dụng hình thức sổ Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

- * Tiền: Bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn,
- * Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ trong năm được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế của Ngân hàng Ngoại thương tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi lập Báo cáo ngày 31/12/2010 là: 18.932 VND/USD.

Ngày 31/12/2011 là: 20.828 VND/USD.

Nguyên tắc ghi nhận Hàng tồn kho

- * Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- * Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho : Bình quân gia quyền
- * Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : Kê khai thường xuyên

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

- * Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình: Theo nguyên giá

Trong bảng Cân đối kế toán, TSCĐ hữu hình được phản ánh theo 3 chỉ tiêu: Nguyên giá, Hao mòn lũy kế và Giá trị còn lại.

- * Khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các nhóm TSCĐ như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 – 40 năm
- Máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	8 – 10 năm

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

- * Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh trừ trường hợp được vốn hóa khi các chi phí này liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 16 “Chi phí đi vay”.
- * Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay đối với các khoản vốn vay chung trong kỳ, được xác định theo nguyên tắc chi phí vay vốn của tài sản nào sẽ được ghi nhận tăng nguyên giá của tài sản đó.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

- * Chi phí trả trước là các khoản chi phí phục vụ sản xuất kinh doanh mà thời gian hữu dụng của nó kéo dài trong nhiều kỳ kế toán và được vốn hóa để phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh.

Chi phí trả trước (ngắn hạn, dài hạn) bao gồm: tiền bảo hiểm, công cụ, dụng cụ, bao bì, chi phí sửa chữa.

- * Phương pháp phân bổ: Đường thẳng, theo thời gian hữu dụng ước tính.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

- * Các khoản chi phí phải trả, chi phí sửa chữa lớn, được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.
- * Dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích theo tỷ lệ 1% quỹ lương làm cơ sở đóng Bảo hiểm xã hội và hạch toán vào chi phí kinh doanh. Khoản dự phòng này được ghi nhận như một khoản phải thanh toán cho người lao động.

- * Bảo hiểm thất nghiệp được trích theo tỷ lệ 2% quỹ lương làm cơ sở đóng Bảo hiểm xã hội. Trong đó 1% được hạch toán vào chi phí kinh doanh, 1% còn lại do người lao động đóng.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- * *Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp.

- * Nguyên tắc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái:

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng Cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản tiền tệ và các khoản phải thu ngắn hạn có gốc ngoại tệ theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ tài chính về xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp.

- * Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên bảng Cân đối kế toán là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua; công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hoặc kiểm soát hàng hóa; doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng và xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch được xác định tương đối chắc chắn; có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán; xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Khi kết quả giao dịch không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Doanh thu và chi phí liên quan tới cùng một giao dịch phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VĨNH HUÊ

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2011

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	ĐVT: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		
- Tiền mặt	344.698.003	102.249.904
- Tiền gửi ngân hàng	1.827.023.252	2.893.211.965
Tổng cộng	2.171.721.255	2.995.461.869
2. Các khoản phải thu ngắn hạn		
2.1. Phải thu khách hàng	22.281.717.935	18.125.314.812
2.2. Trả trước cho người bán	181.091.000	363.592.050
2.3. Các khoản phải thu khác	759.451.018	1.667.920.000
2.4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	-	(321.813.843)
Tổng cộng	23.222.259.953	19.835.013.019
2.1. Phải thu khách hàng		
- Công ty TNHH Metro Cash & Carry Việt Nam	632.683.963	314.125.155
- Huey Kae Enterprise Co., Ltd	269.759.049	245.202.531
- Amerrikan City Paper Corp	3.852.591.609	2.708.445.808
- Công ty TNHH Ricco Việt Nam	197.630.297	230.808.344
- Công ty TNHH SXTM Chí Cường	148.200.501	168.212.956
- F.V.C Royal Co Ltd.	1.842.167.659	1.246.682.045
- Công ty CP Phú Long	2.161.754.760	1.875.527.885
- CN-CH Group Chenguang Paper	1.322.405.752	859.381.223
- Công ty CP Tân Tấn Lộc	893.167.110	1.328.455.820

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VĨNH HUÊ

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2011

- Công ty CP Sunhome	1.209.211.137	786.396.548
- Công ty TNHH DKSH Việt Nam	57.729.100	674.852.241
- Các khách hàng khác	9.694.416.998	7.687.224.256
Cộng	22.281.717.935	18.125.314.812

2.2. Trả trước cho người bán

- Công ty TNHH SX & DV Tân Hào Phát	100.000.000	56.364.200
- Công ty TNHH MTV SX DV An Tiến	50.000.000	54.659.250
- Công ty TNHH TMVD & XD Bảo An	30.000.000	217.000.000
- Người bán khác	1.091.000	35.568.600
Cộng	181.091.000	363.592.050

2.3. Các khoản phải thu khác

- Tiền BHXH, BHYT, BHTN còn phải thu của người lao động	64.344.993	78.158.434
- Cổ tức tạm chia cho các cổ đông	92.500.000	1.432.500.000
- Các khoản phải thu khác	602.606.025	157.261.566
Cộng	759.451.018	1.667.920.000

2.4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi **0** **(321.813.843)**

Dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi của khách hàng trong nước và các khoản phải thu khác đã được hoàn nhập giảm chi phí trong năm theo Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 08/3/2012.

3. Hàng tồn kho

- Nguyên liệu, vật liệu	11.507.604.903	8.033.819.795
- Công cụ, dụng cụ	22.614.220	28.890.064
- Thành phẩm	5.781.675.931	4.366.481.229
- Hàng hoá	46.670.205	128.652.345
Cộng giá gốc hàng tồn kho	17.358.565.259	12.557.843.433

4. Tài sản ngắn hạn khác

4.1. Chi phí trả trước ngắn hạn	480.353.854	127.793.959
4.2. Thuế GTGT được khấu trừ	0	33.201.046
4.3. Tài sản ngắn hạn khác	147.851.588	456.019.543
Tổng cộng	628.205.442	617.014.548

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VĨNH HUÊ

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2011

4.1. Chi phí trả trước ngắn hạn

Giá trị Công cụ, Dụng cụ, chi phí điện năng, v.v... chờ phân bổ. Chi tiết:

Chi phí	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
- Chi phí điện năng	-	8.261.577.438	8.256.721.494	4.855.944
- Tiền thuê đất	-	329.985.256	47.140.750	282.844.506
- Chi phí CCDC, bảo hiểm,... phân bổ dần	127.793.959	523.872.204	459.012.759	192.653.404
- Chi phí sử dụng chung	-	1.003.412.717	1.003.412.717	-
Cộng	127.793.959	10.118.847.615	9.766.287.720	480.353.854

4.2. Thuế GTGT được khấu trừ**0****33.201.046**

Thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ còn được khấu trừ.

4.3. Tài sản ngắn hạn khác

- Tạm ứng	147.851.588	336.572.633
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn (*)	-	119.446.910
Cộng	147.851.588	456.019.543

(*) Khoản ký quỹ mở LC tại Ngân hàng HSBC đã được tất toán trong năm 2011.

5. Tăng giảm Tài sản cố định hữu hình

Nhóm TSCĐ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Chỉ tiêu					
Nguyên giá					
- Số đầu năm	19.343.642.085	30.699.926.970	1.896.801.565	131.268.820	52.071.639.440
- Mua trong năm	-	3.252.403.243	-	-	3.252.403.243
- Đầu tư XD CB hoàn thành	993.018.407	5.231.095.221	-	-	6.224.113.628
- Thanh lý, nhượng bán	-	34.500.000	-	-	34.500.000
- Số cuối năm	20.336.660.492	39.148.925.434	1.896.801.565	131.268.820	61.513.656.311
Giá trị hao mòn					
- Số đầu năm	4.173.786.569	12.936.658.948	914.920.069	131.268.820	18.156.634.406
- Khấu hao trong năm	546.788.373	2.122.550.664	145.851.312	-	2.815.190.349
- Thanh lý, nhượng bán	-	1.150.000	-	-	1.150.000
- Số cuối năm	4.720.574.942	15.058.059.612	1.060.771.381	131.268.820	20.970.674.755
Giá trị còn lại					
- Tại ngày đầu năm	15.169.855.516	17.763.268.022	981.881.496	-	33.915.005.034
- Tại ngày cuối năm	15.616.085.550	24.090.865.822	836.030.184	-	40.542.981.556

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VĨNH HUÊ

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2011

Nhà xưởng và Máy móc thiết bị của Công ty đã được thế chấp đảm bảo các khoản nợ vay tại Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Sóng Thần.

Chi tiết tài sản cố định tăng trong năm 2011 như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	993.018.407
- Nhà xưởng sản xuất	222.600.141
- Nhà kho 395m ²	162.608.954
- Nhà kho chứa nguyên liệu xưởng VH6	175.402.398
- Nhà để xe công ty	114.629.487
- Nhà kho 1300m ²	317.777.427
Máy móc, thiết bị	8.483.498.464
- Máy định hình VH10	81.525.854
- Xeo 3 xưởng VH6 (*)	4.336.406.883
- Xưởng tẩy mực VH6 (*)	2.667.464.018
- Lò hơi 10 tấn xưởng VH6	1.398.101.709
Tổng cộng	9.476.516.871

(*): Lãi vay được vốn hóa trong năm 2011 là 791.594.084 đồng.

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí mua sắm tài sản cố định	722.903.000	2.809.342.363
- Mua lô sấy đường kính 2m50 khổ 1m55	490.000.000	214.452.383
- Mua máy lọc cát nồng độ thấp	72.903.000	-
- Mua lô lưới	-	665.000.000
- Mua lò sấy	160.000.000	1.929.889.980
Chi phí XD CB dở dang	1.063.346.505	4.586.539.509
- Dự án nhà máy sản xuất bột giấy Tỉnh Bình Thuận	143.522.171	143.522.171
- Dự án làm nền khu vực VH1	205.845.584	-
- Dự án đầu tư hệ thống xử lý bột xeo 1 VH2	713.978.750	-
- Công trình đầu tư tẩy mực	-	507.619.048
- Công trình chế tạo máy định hình	-	81.525.854
- Công trình nhà kho 1.300 m ²	-	279.127.013
- Công trình nhà xưởng tẩy mực	-	1.409.445.822
- Công trình khác	-	2.165.299.601
Cộng	1.786.249.505	7.395.881.872

7. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là các khoản chi phí sửa chữa nhà xưởng, máy móc thiết bị.

- Số đầu năm	108.529.601	207.432.571
- Tăng trong năm	215.296.631	114.883.905
- Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	(164.955.778)	(213.786.875)
- Số cuối năm	158.870.454	108.529.601

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VĨNH HUÊ

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2011

8. Các khoản vay và nợ ngắn hạn

- Vay ngắn hạn	37.052.280.217	26.219.632.896
- Nợ dài hạn đến hạn trả	2.664.298.699	1.757.459.596
Tổng cộng	39.716.578.916	27.977.092.492

*** Vay ngắn hạn**

	Số đầu năm	Vay trong năm	Trả nợ vay trong năm	Số cuối năm
- Ngân hàng Hồng Kông – Thượng Hải	2.969.222.964	19.077.656.148	17.295.893.492	4.750.985.620
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – CN 9	9.546.409.539	25.375.955.882	22.602.195.079	12.320.170.342
- Ngân hàng Ngoại thương – CN Sóng Thần	13.704.000.393	46.572.099.545	40.294.975.683	19.981.124.255
Cộng	26.219.632.896	91.025.711.575	80.193.064.254	37.052.280.217

*** Nợ dài hạn đến hạn trả**

	Số đầu năm	Tăng do chuyển từ nợ dài hạn sang	Trả nợ vay trong năm	Số cuối năm
- Quỹ phát triển đô thị TP. Hồ Chí Minh	182.408.000	181.334.699	182.408.000	182.408.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Chi nhánh 9	735.051.596	2.362.964.000	735.051.596	735.051.596
- Ngân hàng Ngoại thương – Chi nhánh Sóng Thần	840.000.000	120.000.000	840.000.000	840.000.000
Cộng	1.757.459.596	2.664.298.699	1.757.459.596	2.664.298.699

9. Phải trả người bán

- Công ty TNHH SX TM DV Long Thành Công	411.054.710	480.824.140
- DNTN SXTM Vũ Thảo	5.538.915.540	1.813.573.870
- Vũ Mạnh Kết	160.931.070	310.209.620
- Công ty TNHH kỹ nghệ nồi hơi sài gòn	431.154.120	323.390.888
- Công ty TNHH Nhựa Trường Quang	460.949.779	369.005.182
- Công ty TNHH SX TM&DV Phú Đức S.G	1.522.108.460	1.899.282.295
- Công ty TNHH Thuận Phát Hưng	568.095.000	454.056.000
- Công ty TNHH TMDV XNK Tân Hòa Phát	166.320.000	213.180.000
- Điện lực Thủ Đức	512.359.727	493.009.654
- DNTN SX-TM Nghiệp Tài	511.481.790	311.352.605
- Cơ sở Phạm Thanh Hùng	120.983.900	237.851.254
- Các đối tượng khác	4.245.102.640	4.159.341.342
Cộng	14.649.456.736	11.065.076.850

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VĨNH HUÊ

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2011

10. Người mua trả tiền trước

- Jien Lung Trading Co.,Ltd	-	29.193.144
- Chao Zhi Paper co.,Ltd	-	43.075.033
- Cơ sở Lộc Bình	-	120.000.000
- K.I.M WorldWide Trading GMBH	36.049.102	32.767.506
- Công ty TNHH Hào Quang	40.000.000	40.000.000
- Các đối tượng khác	180.154.196	85.875.679
Cộng	256.203.298	350.911.362

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

- Thuế Giá trị gia tăng	551.899.497	-
- Thuế Xuất, Nhập khẩu	16.525.200	16.525.200
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.002.246.445	1.116.647.726
Cộng	1.570.671.142	1.133.172.926

Thuế Giá trị gia tăng

Phương pháp tính thuế phải nộp: Khấu trừ

Thuế suất áp dụng:

- * Hàng xuất khẩu : 0%
- * Các sản phẩm khác : 5% - 10%

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất 20% đối với hoạt động sản xuất kinh doanh chính.

Thuế suất 25% đối với thu nhập khác

Thuế Xuất, Nhập khẩu: Công ty kê khai và nộp theo thông báo của cơ quan Hải quan.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo những cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính sẽ được xác định một cách chắc chắn theo quyết định cuối cùng của cơ quan Thuế.

12. Phải trả người lao động **1.376.728.082** **2.522.462.476**

Tiền lương và các khoản mang tính chất lương còn phải trả cho cán bộ công nhân viên.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VĨNH HUÊ

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2011

13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

- Tài sản thừa chờ giải quyết	15.395.682	-
- Kinh phí công đoàn	760.048.118	684.004.329
- Bảo hiểm xã hội	36.687.210	138.644.140
- Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	1.385.042.210	757.343.925
Cộng	2.197.173.220	1.579.992.394

(*) Các khoản phải trả, phải nộp khác bao gồm:

- Cổ tức phải trả cho các cổ đông	706.000.000	-
- Tiền thuê đất	325.633.156	-
- Thù lao hội đồng quản trị	-	21.000.000
- Tiền gia công	-	58.456.145
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	353.409.054	677.887.780
Cộng	1.385.042.210	757.343.925

14. Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi

- Số đầu năm	1.132.101.515	967.836.514
- Tăng trong năm	369.000.000	330.000.000
- Chi khen thưởng, phúc lợi trong năm	(322.712.727)	(165.734.999)
- Số cuối năm	1.178.388.788	1.132.101.515

15. Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn

- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	738.741.100	1.031.701.100
- Các khoản phải trả, phải nộp khác (dài hạn) (**)	-	58.809.465
Cộng	738.741.100	1.090.510.565

(*) Các khoản nhận ký quỹ về cho thuê mặt bằng tại nhà máy Công ty

(**) Khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác đã được xử lý vào thu nhập khác theo Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 08/3/2012.

16. Vay và nợ dài hạn

* Vay dài hạn	3.966.011.381	8.786.940.747
- Vay ngân hàng	3.940.285.644	8.756.940.747
- Vay đối tượng khác	25.725.737	30.000.000
* Nợ dài hạn	267.475.000	267.475.000
- Nợ dài hạn khác	267.475.000	267.475.000
Tổng cộng	4.233.486.381	9.054.415.747

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VĨNH HUÊ

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2011

*** Vay dài hạn**

	Số đầu năm	Vay trong năm	Trả nợ vay trong năm	Chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	Số cuối năm
- Quỹ Phát triển Đô thị TP.HCM	181.334.699	-	-	181.334.699	-
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Chi nhánh 9	8.455.606.048	128.527.000	2.280.883.404	2.362.964.000	3.940.285.644
- Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Sóng Thần	120.000.000	-	-	120.000.000	-
- Các cá nhân khác	30.000.000	-	4.274.263	-	25.725.737
Cộng	8.786.940.747	128.527.000	2.285.157.667	2.664.298.699	3.966.011.381

*** Nợ dài hạn****267.475.000****267.475.000**

American City Paper Corp ứng tiền đầu tư máy Napkin

17. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích theo tỷ lệ 1% quỹ tiền lương đóng Bảo hiểm xã hội. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

- Số đầu năm	81.972.012	71.546.559
- Trích trong năm	89.567.071	131.645.610
- Đã sử dụng trong năm	(81.972.012)	(121.220.157)
- Số cuối năm	89.567.071	81.972.012

18. Vốn chủ sở hữu

STT	Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
I.	Vốn chủ sở hữu (CSH)				
1.	Vốn đầu tư của CSH	12.000.000.000	-	-	12.000.000.000
2.	Cổ phiếu quỹ	(195.000.000)	-	-	(195.000.000)
3.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	17.473.819	391.980.474	307.387.624	102.066.669
4.	Quỹ Đầu tư Phát triển	4.993.310.662	780.000.000	-	5.773.310.662
5.	Quỹ dự phòng tài chính	808.676.075	143.000.000	504.401.454	447.274.621
6.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	3.802.580.481	1.583.626.257	3.662.000.000	1.724.206.738
	Cộng I	21.427.041.037	2.898.606.731	4.473.789.078	19.851.858.690
II.	Nguồn kinh phí				
7.	Nguồn kinh phí	10.000.000	-	-	10.000.000
	Cộng II	10.000.000	-	-	10.000.000
	TỔNG CỘNG	21.437.041.037	2.898.606.731	4.473.789.078	19.861.858.690

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VĨNH HUÊ

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2011

18.1.Vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Số lượng cổ phiếu đã phát hành	120.000
- Số lượng cổ phiếu quỹ	(1.500)
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	118.500

Toàn bộ cổ phiếu đang lưu hành là cổ phiếu thường.

Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm 2011 là: **118.500** cổ phiếu

Vốn góp của các nhóm cổ đông:

- Cổ đông Nhà nước	1.800.000.000
- Cổ đông khác	10.200.000.000
Cộng	12.000.000.000

18.2.Cổ phiếu quỹ

Công ty đã mua lại 1.500 cổ phiếu với giá mua là 195.000.000.

18.3.Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Số dư chênh lệch tỷ giá là khoản chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và phải thu khách hàng theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng ngày 31/12/2011 (20.828 VND/USD).

18.4.Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ Đầu tư phát triển tăng trong năm do được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế của năm 2010 theo nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2011.

18.5.Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ Dự phòng tài chính tăng trong năm do được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế của năm 2010 theo nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2011.

Quỹ Dự phòng tài chính giảm trong năm do được dùng để xử lý nợ khó đòi theo Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 08/3/2012.

18.6.Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (PP)

Lợi nhuận năm trước

- Số đầu năm	3.802.580.481
- Phân phối lợi nhuận của năm trước	(3.662.000.000)
+ Trích quỹ dự phòng tài chính	(143.000.000)
+ Trích quỹ Đầu tư phát triển	(780.000.000)
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(369.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VĨNH HUÊ

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2011

+ Chia cổ tức cho các cổ đông	(2.370.000.000)	
Lợi nhuận năm trước chuyển năm nay		140.580.481
Lợi nhuận sau thuế năm nay		1.583.626.257
Lợi nhuận chưa PP lũy kế chuyển năm sau		1.724.206.738

18.7.Nguồn kinh phí **10.000.000** **10.000.000**

Khoản kinh phí hỗ trợ của UBND TP.HCM đăng ký nhận hiệu hàng hóa.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

	Năm nay	Năm trước
19. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Tổng doanh thu	156.469.814.809	139.371.976.971
- Doanh thu của hàng bán nội địa	119.101.197.114	99.144.547.432
- Doanh thu của hàng xuất khẩu	34.935.144.545	37.976.594.959
- Doanh thu khác	2.433.473.150	2.250.834.580
Các khoản giảm trừ doanh thu:	16.382.246	6.949.440
* Hàng bán trả lại	16.382.246	6.949.440
Doanh thu thuần	156.453.432.563	139.365.027.531
20. Giá vốn hàng bán		
- Giá vốn của hàng bán nội địa	100.712.389.502	82.468.546.922
- Giá vốn của hàng xuất khẩu	30.894.617.320	31.770.443.063
- Giá vốn khác	106.684.849	251.871.167
Cộng	131.713.691.671	114.490.861.152
21. Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	27.402.445	157.020.714
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá	403.144.281	249.324.115
Cộng	430.546.726	406.344.829
22. Chi phí tài chính		
- Lãi tiền vay	6.015.226.037	3.314.628.336
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.146.459.995	829.636.615
Cộng	7.161.686.032	4.144.264.951

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VĨNH HUÊ

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2011

23. Chi phí bán hàng	7.735.838.957	7.700.549.819
Chủ yếu là các khoản chi phí vận chuyển, bốc xếp hàng hóa.		
24. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nhân viên quản lý	4.214.983.658	3.657.956.224
- Chi phí vật liệu quản lý	515.704.357	0
- Chi phí khấu hao TSCĐ	528.662.125	539.489.239
- Chi phí dự phòng	(321.813.843)	403.785.855
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	648.486.877	847.094.234
- Chi phí bằng tiền khác	2.956.654.352	2.840.809.815
Cộng	8.542.677.526	8.289.135.367
25. Thu nhập khác		
- Thu từ hoạt động thanh lý TSCĐ	128.636.364	1.256.181.818
- Thu nhập khác	58.809.465	53.258.473
Cộng	187.445.829	1.309.440.291
26. Chi phí khác		
- Chi phí thanh lý tài sản cố định	33.350.000	1.799.133.278
- Chi phí khác	17.406.303	20.947.031
Cộng	50.756.303	1.820.080.309
27. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.866.774.629
- Các khoản điều chỉnh tăng		27.056.303
Tổng thu nhập chịu thuế		1.893.830.932
<i>Trong đó:</i>		
- Thu nhập chịu thuế suất 20%	1.730.085.103	
- Thu nhập chịu thuế suất 25%	163.745.829	
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		386.953.478
<i>Trong đó</i>		
- Thuế TNDN của thu nhập chịu thuế suất 20%	346.017.021	
- Thuế TNDN của thu nhập chịu thuế suất 25%	40.936.457	
Điều chỉnh giảm thuế TNDN theo Nghị định số 101/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Quyết định số 08/2011/QH13 của Quốc hội		103.805.106
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành		283.148.372

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VĨNH HUÊ

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2011

28. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

- Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.583.626.257	3.708.736.842
- Số cổ phiếu lưu hành bình quân	1.180.500	1.180.500
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.341	3.142

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán 2011

Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 08/3/2012, Hội đồng Quản trị thống nhất về việc xử lý các công nợ khó thu hồi và công nợ không phải trả cụ thể như sau:

- ❖ Đối với công nợ khó thu do khách hàng bỏ trốn hoặc giải thể không thu hồi được, có tuổi nợ từ 3 năm trở về trước đang hạch toán vào tài khoản 131 (Phải thu khách hàng) và tài khoản 1388 (Phải thu khác) với tổng số tiền là 460.714.471 đồng, khoản nợ tạm ứng đang hạch toán tại tài khoản 141 - Tạm ứng với số tiền là 43.686.983 đồng. Trong năm 2010 công ty đã lập dự phòng nợ phải thu khó đòi với số tiền 321.813.843 đồng. Nay Hội đồng Quản trị quyết định xử lý hoàn lại khoản tiền 321.813.843 đồng đã trích trong năm 2010 đưa vào giảm chi phí, tăng lãi năm 2011 và dùng Quỹ Dự phòng Tài chính để giải quyết tổng số tiền trên là 504.401.454 đồng vào cuối năm 2011.
- ❖ Đối với Công nợ không phải trả đang hạch toán tại tài khoản 3388 – Phải trả, phải nộp khác số tiền là: 58.809.465 đồng. Nay Hội đồng Quản trị quyết định xử lý cho tăng lãi trong năm 2011.

2. Thông tin tài chính

Ngày 27 tháng 12 năm 2011 Chính phủ đã ban hành:

- ❖ Nghị định số 121/2011/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2008/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2008 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế Giá trị gia tăng.
- ❖ Nghị định số 122/2011/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

Các Nghị định nêu trên có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2012

TP. HCM, ngày 09 tháng 3 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

TRƯƠNG VĂN THẮNG

NGUYỄN VIỆT THỰC

NGUYỄN HOA